

Bản án số: 15/2018/HSST
Ngày: 20/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Tuyết và Bà Nguyễn Thùy
Hương

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm, cán Bộ Toà án nhân
dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông
Đình Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh
Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 14/2018/TLST-
HS ngày 07 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
15/2018/QĐXXST-HS ngày 09/4/2018 đối với các Bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh ngày 23 tháng 02 năm 1990 tại B, Quảng Bình.
Nơi cư trú: Thôn T, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động
tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không;
quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Ng (đã chết) và Bà Nguyễn Thị G,
sinh năm 1941; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo Bị Bắt tạm
giữ từ ngày 14/9/2017 sau đó chuyển tạm giam đến ngày 10/11/2017 được
thay đổi Biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên
toà.

2. Dương Thành L, sinh ngày 25 tháng 11 năm 1988 tại B, Quảng Bình.
Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động
tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không;
quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Đình Ch (đã chết) và Bà Trần Thị D,
sinh năm 1965; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: ngày 05/01/2018 Bị
công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép
chất ma túy”; Bị cáo Bị áp dụng Biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” tại nhà
tạm giữ Công an huyện B từ ngày 14/9/2017 cho đến nay. Theo lệnh trích
xuất Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Lê Thành Đ, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1978 tại Th, Cà Mau. Nơi
cư trú: Thôn Th, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự
do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không;
quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thành Đ (đã chết) và Bà Phạm Thị Lê Th,

sinh năm 1941; vợ: Trương Thị H, con: 03 đứa (lớn nhất 15 tuổi, nhỏ nhất 09 tuổi); tiền án, tiền sự: không; Bị cáo Bị áp dụng Biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” tại nhà tạm giữ Công an huyện B từ ngày 14/9/2017 cho đến nay. Theo lệnh trích xuất Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Những người có quyền lợi liên quan:

1. Chị Trương Thị H, sinh năm 1981; trú tại: Thôn Th, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1955; trú tại: Thôn Th, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn Biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có sự quen Biết và sử dụng ma túy, khoảng 02 giờ ngày 14/9/2017 Dương Thành L mang theo 01 gói ma túy dạng đá đưa tới nhà Nguyễn Văn T để cùng sử dụng và Bán lại kiếm lời. T đem chia số ma túy ra thành 02 gói nhỏ rồi cùng L Đ ý Bán lại một gói cho Lê Thành Đ với giá 500.000 Đ, gói kia T lấy ra một nửa Bỏ vào trong ống thuỷ tinh để cùng L sử dụng nhưng chưa hết, số còn lại T cất vào túi ni long. Sau khi mua được ma túy, khoảng 13 giờ 30 phút ngày 14/9/2017 Đ đưa về nhà nghỉ Ấn Tượng ở thôn Th, Th Bán lại cho một người đàn ông tên H (không rõ tên thật và địa chỉ) với giá 700.000 Đ. H tiếp tục hỏi mua thêm 01 ống thuỷ tinh (dụng cụ dùng để sử dụng ma túy) nên Đ quay lại nhà T lấy cấp 01 ống thuỷ tinh của T (kí hiệu là A) rồi đem Bán cho H với giá 300.000 Đ thì Bị lực lượng công an huyện B phát hiện và Bắt giữ, còn H và một số đối tượng khác chạy thoát. Ngay sau đó, lực lượng chức năng T hành kiểm tra nơi ở của Nguyễn Văn T phát hiện tại phòng ngủ của T đang cất giấu 01 gói ni long màu trắng Bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, T khai nhận là ma túy đá (kí hiệu A2); thu giữ 01 gói ni long màu trắng Bên trong chứa 02 viên thuốc nén tân dược và một ít chất Bột màu hồng, T khai nhận là ma túy tổng hợp (kí hiệu A3) và thu giữ 01 ống thuỷ tinh Bên trong chứa chất tinh thể màu trắng đục, T khai nhận là ma túy dạng đá vừa sử dụng còn sót lại (kí hiệu A4). Trong khi T đang Bị lập Biên Bản phạm tội quả tang thì Dương Thành L chạy xe mô tô BKS 73K7-8867 đến, do có Biểu hiện nghi vấn nên lực lượng chức năng tiếp tục kiểm tra phát hiện và thu giữ trong người L 01 gói ni long chứa chất tinh thể màu trắng (kí hiệu A1) và số tiền 500.000 Đ, L khai nhận là ma túy dạng đá, sau khi cùng với T đã Bán một gói ma túy cho Đ với giá 500.000 Đ, L cầm số tiền đó đi vào xã H, L gặp một thanh niên không rõ tên thật, địa chỉ rồi tự Bỏ thêm số tiền 500.000 Đ nữa để mua 01 gói ma túy với giá 1.000.000 Đ đưa về nhà T sử dụng thì Bị Bắt giữ.

Tại kết luận giám định số 888/GĐ-PC54 ngày 21/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: “Mẫu kí hiệu A gửi giám định là Methamphetamine”, trọng lượng 0,164g. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 67, danh mục II, Nghị định số

82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ. Tại kết luận giám định số 889/GĐ-PC54 ngày 21/9/2017 “Mẫu kí hiệu A1 gửi giám định là Methamphetamine, trọng lượng 0,642g, Mẫu kí hiệu A2 gửi giám định là Methamphetamine, trọng lượng 0,09g; Mẫu kí hiệu A3 gửi giám định là Methamphetamine, MDMA trọng lượng 1,341g; Mẫu kí hiệu A4 gửi giám định là Methamphetamine, trọng lượng 0,157g. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 67, danh mục II, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ. MDMA nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 22, danh mục I, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2017 của Chính phủ.

Vật chứng vụ án: Thu giữ của Lê Thành Đ 01 ống thủy tinh (mẫu ký hiệu A) Bên trong chứa Methamphetamine, trọng lượng 0,164g; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, các số sim 0986000873 và 0943000873; tiền VNĐ 1.000.000 Đ; 01 xe mô tô hiệu Wave BKS 73F1-30925.

Thu giữ của Nguyễn Văn T 01 gói ni long màu trắng (mẫu ký hiệu A2) Bên trong chứa Methamphetamine, trọng lượng 0,09g; 01 gói ni long màu trắng (mẫu kí hiệu A3) Bên trong chứa Methamphetamine và MDMA, trọng lượng 1,341g; 01 ống thủy tinh (mẫu kí hiệu A4) Bên trong chứa Methamphetamine, trọng lượng 0,157g; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu xám, số sim 01663512099; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 6 màu xám.

Thu giữ của Dương Thành L 01 gói ni long (mẫu kí hiệu A1) Bên trong chứa Methamphetamine, trọng lượng 0,642g; tiền VNĐ 500.000 đồng; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia –X1, số sim 0981228137 và 01 xe mô tô hiệu Savi BKS 73K7-8867.

Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B đã xử lý trả lại 01 xe mô tô BKS 73F1-309.25 cho chị Trương thị H và 01 xe mô tô BKS 73K7-8867 cho ông Nguyễn Đức D đều trú tại thôn Th, xã Th, B do không liên quan đến vụ án.

Tại Bản cáo trạng số:15/CT-VKSBT ngày 06/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố các Bị cáo Nguyễn Văn T, Dương Thành L, Lê Thành Đ về tội “*Mua Bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi Bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội Đ xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20 BLHS năm 1999 đối với các Bị cáo, riêng Bị cáo T và Đ áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T từ 30 đến 33 tháng tù Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày Bắt giam thi hành án (được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 14/9/2017 đến ngày 10/11/2017).

Bị cáo Dương Thành L từ 27 đến 30 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2017.

Bị cáo Lê Thành Đ từ 24 đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2017.

+ Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung công Nhà nước số tiền 1.500.000 Đ tiền phạm tội mà có của Đ và L.

Tịch thu tiêu huỷ một phong Bì thư được giấu kín, có số 888/GĐ-PC54 và hai phong Bì thư được giấu kín, có số 889/GĐ-PC54 (vật chứng còn lại sau giám định);

Trả lại cho Lê Thành Đ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, các số sim 0986000873 và 0943000873.

Trả lại cho Nguyễn Văn T: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu xám, số sim 01663512099; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 6 màu xám.

Trả lại cho Dương Thành L 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia –X1, số sim 0981228137.

+ Án phí: Buộc các Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của Bị cáo T: Do nghiện ma túy không có tiền dùng nên Bị cáo đã vi phạm pháp luật, Bị cáo rất ăn năn hối cải nên mong Hội Đ xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng của Bị cáo L: Hành vi của Bị cáo đã vi phạm pháp luật, Bị cáo rất ăn năn hối cải nên mong Hội Đ xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng của Bị cáo Đ: Bị cáo Biết hành vi của mình là sai trái, Bị cáo rất ăn năn hối cải nên mong Hội Đ xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI Đ XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội Đ xét xử nhận định như sau :

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không người nào có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các Bị cáo: Tại phiên tòa các Bị cáo đã thống nhất khai nhận toàn Bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội Đ xét xử có cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 14/9/2017 tại xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình, Nguyễn Văn T cất giấu nhiều gói ma túy có tổng trọng lượng 1,752g methamphetamine và MDMA sau đó cùng với Dương Thành L Bán lại cho Lê Thành Đ một gói ma túy với giá 500.000 đồng, Đ đưa đi Bán lại để kiếm lời thì Bị lực lượng công an huyện B phát hiện và Bắt giữ. Hành vi nêu trên của các Bị cáo Nguyễn Văn T, Dương Thành L, Lê Thành Đ đã đủ yếu tố để cấu thành tội “Mua Bán

trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các Bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của từng Bị cáo, Hội Đ xét xử thấy rằng: vụ án có nhiều Bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng chỉ mang tính chất Đ phạm giản đơn, Nguyễn Văn T là người trực tiếp cất giấu nhiều gói ma túy nhằm Bán kiếm lời nên giữ vai trò chính. Dương Thành L ngoài việc tham gia cùng T mua Bán ma túy với Đ thì còn cất giấu trong người 0,642g Methamphetamine để sử dụng nên cùng với Đ giữ vai trò phụ trong vụ án này. Hành vi phạm tội của các Bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không chỉ xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước trong việc quản lý, kiểm soát các chất kích thích, gây nghiện mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội nói chung, gây nên những hậu quả lâu dài về nhiều mặt cho xã hội như làm khánh kiệt về tài sản, làm suy thoái nòi giống, và là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội. Các Bị cáo Biết rõ như vậy nhưng do sự cám dỗ của lợi ích vật chất cộng với ý thức coi thường pháp luật nên đã phạm tội. Hơn nữa Bị cáo T năm 2010 đã Bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 21 tháng 24 ngày, Bị cáo Lê Thành Đ năm 1998 Bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 12 tháng tù giam, đối Với Dương Thành L có hành vi cất giấu 0,642g Methamphetamine để sử dụng không đủ căn cứ để truy cứu TNHS về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên ngày 05/01/2018 Bị Công an huyện B đã xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng lại tiếp tục phạm tội, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do đó, phải xét xử các Bị cáo thật nghiêm khắc, cần thiết cách ly các Bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các Bị cáo thành khẩn khai Báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, Hội Đ xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các Bị cáo. Riêng Bị cáo T có Bồ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân chương cao quý, Bị cáo Đ có mẹ là người có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận nên áp dụng thêm Khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 cho các Bị cáo.

[6] Trong vụ án này có một số đối tượng khai nhận trước đây có mua ma túy của Nguyễn Văn T để sử dụng nhưng do không xác định chính xác và cụ thể về thời gian, địa điểm, trọng lượng cũng như loại chất ma túy mà T đã Bán nên không có cơ sở để truy cứu TNHS đối với T về tình tiết “Phạm tội nhiều lần”. Đối tượng ở xã Hải Trạch đã Bán ma túy cho L và đối tượng tên H là người mua ma túy của Đ do không xác định được danh tính, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xử lý. Đối với đối tượng Cao Thượng V “Phò”, sinh năm 1989 trú tại khu phố 2, phường B, thị xã Ba Đồn đã bán ma túy cho T do

không có mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra lập hồ sơ xác minh xử lý sau.

[7] Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- + Tịch thu sung công Nhà nước số tiền 1.500.000 đồng tiền thu được do phạm tội mà có của Đ và L (Đ: 1.000.000 đồng, L: 500.000 đồng).

- + Tịch thu tiêu huỷ một phong Bì thư được gián kín, có số 888/GĐ-PC54 và hai phong Bì thư được gián kín, có số 889/GĐ-PC54 (vật chứng còn lại sau giám định);

- + Trả lại cho các Bị cáo 04 điện thoại di động do không sử dụng trong quá trình phạm tội.

[8] Án phí sơ thẩm: Buộc các Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm c khoản, Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về quy định không có lợi cho người phạm tội.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi năm 2009, riêng Bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Thành Đ áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuyên BỐ: Bị cáo Nguyễn Văn T, Dương Thành L, Lê Thành Đ phạm tội “Mua Bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt:

- + Nguyễn Văn T 30 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày Bắt giam thi hành án (được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 14/9/2017 đến ngày 10/11/2017).

- + Dương Thành L 27 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 14/9/2017.

- + Lê Thành Đ 24 tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 14/9/2017.

Tiếp tục tạm giam Bị cáo Dương Thành L và Lê Thành Đ với thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/4/2018.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999.

- + Tịch thu sung công Nhà nước số tiền 1.500.000 đồng tiền thu được do phạm tội mà có của Đ và L (Đ: 1.000.000 đồng, L: 500.000 đồng).

- + Tịch thu tiêu huỷ một phong Bì thư được gián kín, có số 888/GĐ-PC54 và hai phong Bì thư được gián kín, có số 889/GĐ-PC54 (vật chứng còn lại sau giám định);

- + Trả lại cho Lê Thành Đ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, các số sim 0986000873 và 0943000873.

+ Trả lại cho Nguyễn Văn T: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu xám, số sim 01663512099; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 6 màu xám.

+ Trả lại cho Dương Thành L 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia –X1, số sim 0981228137.

(Các vật chứng trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo Biên Bản giao nhận ngày 08/3/2018)

Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Buộc các Bị cáo Nguyễn Văn T, Dương Thành L, Lê Thành Đ mỗi Bị cáo phải nộp 200.000 Đ án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Báo cho các Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa Biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/4/2018), để TAND tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án được hoặc Bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi cư trú của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Nơi nhận:

- VKS Bổ Trách.
- CA Bổ Trách, sở tư pháp;
- THA BỔ Trách;
- Lưu HS, lưu TA, xã Đ;
- Xã Th;
- Bị cáo

**TM/HỘI Đ XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Loan